TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án: 02/2025/LĐ-ST
Ngày 22-5-2025
V/v: tranh chấp bồi thường thiệt hại do vi phạm hợp đồng đào tạo

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Tân.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Bích Liên;

Bà Dương Thị Kim Hồng;

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Anh – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Anh Tuấn - Kiểm sát viên

Ngày 22 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án Lao động sơ thẩm thụ lý số 02/2025/TLST-LĐ, ngày 10 tháng 2 năm 2025 về việc tranh chấp bồi thường thiệt hại do vi phạm hợp đồng đào tạo, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2025/QĐXXST-LĐ ngày 17 tháng 4 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2025/QĐST-DS, ngày 05 tháng 5 năm 2025, giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: **Công ty TNHH L1**;

Địa chỉ trụ sở: Lô I Khu công nghiệp T, khu K, xã H, huyện A, (nay là Phường H, quận A) thành phố Hải Phòng.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Park Hong K – Chức vụ: Tổng Giám đốc. Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Trần Thị Thùy L và và ông Ngô Văn P - Công ty L1 – Đoàn Luật sư thành phố H. Có mặt.

Đều ở địa chỉ: Số N KĐT V, phường V, quận L, thành phố Hải Phòng.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:

Ông Dương Văn C – Luật sư Công ty L1 – Đoàn Luật sư thành phố H. Vắng mặt.

Bà Nguyễn Thị M – Luật sư Công ty L1 – Đoàn Luật sư thành phố H. Có mặt

Ông Lưu Thanh H – Luật sư Công ty L1 – Đoàn Luật sư thành phố H. Vắng mặt.

Đều ở địa chỉ: Số N KĐT V, phường V, quận L, thành phố Hải Phòng.

2.Bị đơn: Anh **Đồng Văn T**, sinh năm 1999;

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Thôn T, xã L (nay là xã H), huyện K, tỉnh Hải Dương. Hiện ở Hàn Quốc, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và các bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày: Ngày 1/4/2022, Công ty TNHH L1 (Sau đây viết tắt là Công ty L1) ký Hợp đồng lao động số VH004029 với anh Đồng Văn T; loại hợp đồng: Hợp đồng không xác định thời hạn, tính từ ngày 01/4/2022; làm việc tại Công ty L1.

Ngày 24/3/2023, Công ty L1 và anh T có ký Hợp đồng đào tạo và Tổng Giám đốc công ty L1 đã có quyết định số 89/QĐ-LGITVH ngày 22/1/2024 cử một số lao động đi đào tạo tại Hàn Quốc. Danh sách gồm 44 người lao động trong đó có anh Đồng Văn T.

Hợp đồng đào tạo có các nội dung chính như sau: Địa điểm tổ chức: Nhà máy L2, G-do, Hàn Quốc; thời gian đào tạo: 67 ngày (từ ngày 24/1/2024 đến ngày 30/3/2024). Chi phí đào tạo bao gồm: Chi phí tổ chức khóa học; vé máy bay; chi phí đi lại; phụ cấp lưu trú và công tác phí; lệ phí visa; chi phí ăn, ở trong thời gian đào tạo; tiền lương, tiền đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế cho người lao động trong thời gian đào tạo và các khoản hỗ trợ khác theo chính sách của LG. Tổng dự tính chi phí khóa học là: 132.041.437 đồng, trong đó: Tiền lương: 18.299.396 đồng; chi phí vé máy bay: 16.400.000 đồng; công tác phí: 4.355 USD tính theo tiền USD; chi phí bảo hiểm (BHXH, BHYT, BHTN, Bảo hiểm tai nạn): 4.3348.982 đồng; chi phí cấp Visa: 880.000 đồng; tiền ăn: 17.186.974 đồng; phí xe buýt đưa đón: 6.107.667 đồng (152.592 đồng / ngày). Sau thời gian đào tạo, người lao động cam kết làm việc cho Công ty L1 (một) năm cho thời gian đào tạo từ 60 ngày trở lên. Nếu người lao động vi phạm thời gian cam kết làm việc cho Công ty L1 thì phải bồi thường 100% chi phí đào tạo nếu thời gian làm việc dưới 50% cam kết. Từ 51% - 80% thời gian cam kết thì phải bồi thường 70% chi phí đào tạo; từ 81% đến dưới 100% thời gian cam kết thì phải bồi thường 30% chi phí đào tạo. Ngoài ra, nếu người lao động vi phạm hợp đồng thì sẽ phải chịu khoản tiền phạt gấp 02 (hai) lần chi phí đào tạo.

Để đảm bảo người lao động thực hiện đúng, đầy đủ các nghĩa vụ theo Hợp đồng đào tạo, ngày 22/1/2024, ông Đồng Văn P1 (Bố đẻ của anh Đồng Văn T)

đã ký Hợp đồng bảo lãnh số VH004029/HĐBL-LG với Công ty L1. Theo đó, ông P1 đồng ý bảo lãnh thanh toán toàn bộ nghĩa vụ cho bên được bảo lãnh theo Hợp đồng đào tạo số VH004029/HDDT-LG ký ngày 24/3/2023 giữa anh T và Công ty L1, bao gồm các nghĩa vụ: Chi phí khóa đào tạo nghề, tiền phạt vi phạm hợp đồng, tiền bồi thường thiệt hại (nếu có), tiền lãnh trong trường hợp chậm thanh toán các khoản tiền thuộc phạm vi bảo lãnh. Công ty L1 đã xin Visa, mua vé máy bay khứ hồi hai chiều cho anh T với ngày đi là 24/1/2024 và ngày về là 30/3/2024.

Ngày 24/1/2024, Công ty L1 đã đưa anh Đồng Văn T đến Hàn Quốc theo đúng kế hoạch để tham gia khóa đào tạo. Tại sân bay, Công ty L1 bố trí xe đưa đón, chở cả đoàn về ký túc xá của Công ty tại địa chỉ: số A, C-ro 2-gil, G-si, G-do, Hàn Quốc.

Ngày 31/01/2024 Công tL1 phát hiện anh Đồng Văn T đã tự ý rời khởi ký túc xá và không thấy quay trở lại. Sau đó, Công ty L1 đã liên tục gọi điện thoại liên hệ với anh Đồng Văn T nhưng không được. Công ty L1 cũng đã gặp ông Đồng Văn P1 để yêu cầu anh T thực hiện nghĩa vụ của người lao động theo Hợp đồng lao động và Hợp đồng đào tạo nhưng không được. Do anh T tự ý bỏ việc, bỏ đào tạo, đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật, vi phạm thỏa thuận tại Hợp đồng lao động và Hợp đồng đào tạo, công ty đã 03 lần thông báo yêu cầu anh T quay trở lại làm việc vào các ngày 20/2/2024, 06/3/2024, 13/3/2024 nhưng không có kết quả. Ngoài việc gửi thư thông báo, đại diện Công ty L1 đã đến nhà anh T để thông báo về việc anh T tự ý bỏ việc và yêu cầu đòi bồi thường thiệt hại do chấm dứt hợp đồng lao động. Việc anh T đơn phương chấm dứt Hợp đồng lao động trái pháp luật, bỏ khóa đào tạo không thông báo đã dẫn tới cả đoàn 44 người lao động được cử sang đào tạo tại Hàn Quốc phải quay trở về Việt Nam gây thiệt hại lớn cho Công ty L1 và ảnh hưởng đến hoạt động của nhà máy tại Việt Nam khi không đào tạo đủ nhân lực để phát triển.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn yêu cầu giải quyết như sau:

1.Yêu cầu bị đơn hoàn trả chi phí đào tạo là 29.761.968 đồng (bao gồm: Chi phí Visa: 880.000 đồng; vé máy bay: 16.400.000 đồng; tiền ăn 08 ngày: 2.052.176 đồng (từ ngày 24/1/2024 đến ngày 31/1/2024 x 02 bữa x 128.261 đồng);chi phí xe buýt đưa đón: 1.221.536 đồng (xe đưa đón 08 ngày x 152.692 đồng / ngày); chi phí chỗ ở ký túc xá: 8.208.256 đồng (08 ngày x 1.026.032 đồng); bảo hiểm tai nạn: 1.000.000 đồng / người.

2.Yêu cầu bị đơn phải trả tiền phạt do vi phạm hợp đồng với số tiền bằng hai lần chi phí đào tạo là 59.523.936 đồng.

Đối với bị đơn (anh Đồng Văn T): Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng cho gia đình bị đơn, đồng thời niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định nhưng bị đơn không cung cấp lời khai, không đến Tòa án để giải quyết vụ án.

Tại biên bản lấy lời khai người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Đồng Văn P1 trình bày: Hiện nay, Công ty L1 khởi kiện tại Tòa án, yêu cầu anh T phải bồi thường, gia đình của bị đơn không đồng ý vì bản thân bố đẻ của bị đơn không có thu nhập, không phải là người được công ty L1 đưa đi đào tạo, chữ ký trong hợp đồng bảo lãnh là chữ ký của anh T chứ không phải do ông P1 ký nên ông không chịu trách nhiệm.

Tại phiên tòa: Bị đơn vắng mặt lần thứ hai.

Đại diện nguyên đơn, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn giữ nguyên nội dung như bản tự khai ngày 15/3/2025 đã trình bày. Chỉ yêu cầu anh Đồng Văn T bồi thường toàn bộ thiệt hại và phạt vi phạm. Không yêu cầu người bảo lãnh là ông Đồng Văn P1 bồi thường trong vụ án này.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương phát biểu ý kiến*:* Về việc tuân theo pháp luật. Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký và nguyên đơn đều thực hiện đầy đủ, đúng quy định của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của đương sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng quy định của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của đương sự. Về nội dung giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn phải trả chi phí đào tạo là 29.761.968 đồng (bao gồm: Chi phí Visa: 880.000 đồng; vé máy bay: 16.400.000 đồng; tiền ăn 08 ngày: 2.052.176 đồng (từ ngày 24/1/2024 đến ngày 31/1/2024 x 02 bữa x 128.261 đồng);chi phí xe buýt đưa đón: 1.221.536 đồng (xe đưa đón 08 ngày x 152.692 đồng / ngày); chi phí chỗ ở ký túc xá: 8.208.256 đồng (08 ngày x 1.026.032 đồng); bảo hiểm tai nạn: 1.000.000 đồng/người. Tiền phạt do vi phạm hợp đồng với số tiền bằng hai lần chi phí đào tạo là 59.523.936 đồng. Về án phí: bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra, xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn (Công ty L1) khởi kiện đối với bị đơn (anh Đồng Văn T) có đăng ký thường trú tại: Thôn T, xã L (nay là xã H), huyện K, tỉnh Hải Dương; hiện đang ở: Hàn Quốc. Căn cứ Điều 32, Điều 35, Điều 37 Bộ luật Tố tụng dân sự; vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương. Anh T hiện đang ở nước ngoài, không xác định được địa chỉ cụ thể, Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng cho gia đình anh T đồng thời niêm yết công khai các văn bản tố tụng theo quy định nhưng đến lần thứ hai anh T đều vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[2] Về thời hiệu khởi kiện: Đây là tranh chấp về yêu cầu bồi thường thiệt hại theo hợp đồng đào tạo nên thời hiệu khởi kiện là 01 (một) năm. Bên vi phạm đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động kể từ ngày 31/1/2024; đến ngày

13/8/2024 nguyên đơn khởi kiện tại Tòa án nên căn cứ khoản 3 Điều 190 của Bộ luật Lao động, vụ án vẫn còn thời hiệu khởi kiện.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, HĐXX xét thấy: Ngày 01/6/2021 Công ty L1 ký hợp đồng lao động số VH004029 với anh Đồng Văn T; loại hợp đồng: không xác định thời hạn, tính từ ngày 01/4/2021; làm việc tại Công ty L1. Đây là quan hệ lao động được thiết lập dựa trên hợp đồng lao động không xác định thời hạn theo điểm a khoản 1 Điều 20 Bộ luật Lao động nên được pháp luật bảo vệ.

[3.1] Ngày 24/3/2023, Công ty L1 ký hợp đồng đào tạo với anh Đồng Văn T đưa đi đào tạo tại nhà máy L2, G-do, Hàn Quốc. Ngày 24/1/2024, anh T đã đến Hàn Quốc theo đúng kế hoạch để tham gia khóa đào tạo. Đây là hợp đồng đào tạo nghề giữa người sử dụng lao động với người lao động theo quy định tại Điều 62 Bộ luật Lao động. Sau khi sang Hàn Quốc, ngày 31/1/2024, công ty phát hiện anh Đồng Văn T đã tự ý rời khỏi ký túc xá và không quay trở lại. Sau đó, Công ty L1 đã liên tục gọi điện thoại liên hệ với anh T nhưng không được, công ty L1 cũng đã gặp ông Đồng Văn P1 để yêu cầu anh T thực hiện nghĩa vụ của người lao động theo Hợp đồng lao động và Hợp đồng đào tạo nhưng không được. Do anh T tự ý bỏ việc, bỏ đào tạo, đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật, vi phạm thỏa thuận tại Hợp đồng lao động và Hợp đồng đào tạo, vì vậy lỗi được xác định hoàn toàn thuộc về phía anh T. Việc vi phạm các thỏa thuận trong hợp đồng đào tạo của anh T nêu trên dẫn tới ảnh hưởng tới hoạt động đào tạo và hoạt động sản xuất, kinh doanh gây thiệt hại về chi phí đào tạo và các chi phí khác cho Công ty L1. Do vậy cần buộc bị đơn phải hoàn trả chi phí đào tạo với số tiền là 29.761.968 đồng (bao gồm: Chi phí Visa: 880.000 đồng; vé máy bay: 16.400.000 đồng; tiền ăn 08 ngày: 2.052.176 đồng (từ ngày 24/1/2024 đến ngày 31/1/2024 x 02 bữa x 128.261 đồng);chi phí xe buýt đưa đón: 1.221.536 đồng (xe đưa đón 08 ngày x 152.692 đồng / ngày); chi phí chỗ ở ký túc xá: 8.208.256 đồng (08 ngày x 1.026.032 đồng); bảo hiểm tai nạn: 1.000.000 đồng / người. Chi phí trên là những chi phí thực tế mà nguyên đơn đã phải bỏ ra và có các hóa đơn, chứng từ để chứng minh cụ thể. Mặt khác, các chi phí này đã được các bên nêu rõ và thỏa thuận cụ thể tại Điều 2 của Hợp đồng đào tạo và phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 62 của Bộ luật Lao động và Điều 419 của Bộ luật Dân sự nên cần được chấp nhận.

[3.2] Đối với yêu cầu buộc bị đơn phải trả tiền phạt do vi phạm hợp đồng với số tiền bằng 02 (hai) lần chi phí đào tạo với số tiền là: 59.523.936 đồng (29.761.968 x 2). Do bị đơn vi phạm Hợp đồng đào tạo, trốn ở lại Hàn Quốc, gây thiệt hại cho nguyên đơn; căn cứ Điều 7 Hợp đồng đào tạo và Điều 418 của Bộ luật Dân sự, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên cần được chấp nhận. Như vậy, tổng số tiền bị đơn phải có trách nhiệm thanh toán cho nguyên đơn là: 29.761.968 + 59.523.936 = 89.285.904 đồng (làm tròn là: 89.286.000 đồng).

[4] Về hợp đồng bảo lãnh: Để đảm bảo người lao động thực hiện đúng, đầy đủ các nghĩa vụ theo Hợp đồng đào tạo, ngày 22/1/2024, ông Đồng Văn P1 đã

ký Hợp đồng bảo lãnh số VH004029/HĐBL-LG với Công ty L1. Theo đó, ông P1 đồng ý bảo lãnh thanh toán toàn bộ nghĩa vụ cho bên được bảo lãnh theo Hợp đồng đào tạo số VH004029/HDDT-LG ký ngày 24/3/2024 giữa anh T và Công ty L1, bao gồm các nghĩa vụ: Chi phí đào tạo nghề, tiền phạt vi phạm hợp đồng, tiền bồi thường thiệt hại (nếu có), tiền lãi trong trường hợp chậm thanh toán các khoản tiền thuộc phạm vi bảo lãnh thực hiện Hợp đồng đào tạo. Ông P1 không thừa nhận chữ ký trong hợp đồng bảo lãnh là chữ ký của ông, mà đó là chữ ký và viết của anh T nên ông không chấp nhận bồi thường. Tuy nhiên, nguyên đơn (là bên có quyền) không yêu cầu giải quyết về hợp đồng bảo lãnh đối với ông Đồng Văn P1 (là bố đẻ của anh Đồng Văn T là bên có nghĩa vụ) trong vụ án này, nên HĐXX không xem xét giải quyết, không đưa ông Đằng Văn P2 tham gia tố tụng với tư cách là Người có nghĩa vụ liên quan là phù hợp, không ảnh hưởng đến quyền, nghĩa vụ của các đương sự. Trường hợp có phát sinh tranh chấp giữa công ty L1 và ông Đồng Văn P1 về hợp đồng bảo lãnh thì các đương sự có quyền làm đơn khởi kiện tại Tòa án có thẩm quyền và sẽ được xem xét, giải quyết bằng vụ án khác theo quy định của pháp luật.

[4] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí lao động sơ thẩm. Trả lại nguyên đơn khoản tiền tạm ứng án phí đã nộp. Bị đơn phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 32; khoản 3 Điều 35; Điều 37; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 20; khoản 3 Điều 40; Điều 62 của Bộ luật Lao động; Điều 418 và Điều 419, 335, 336, 339, 340, 342 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1.Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc bị đơn anh Đồng Văn T phải có trách nhiệm trả cho nguyên đơn Công ty TNHH L1 tổng số tiền gồm:

-Chi phí đào tạo gồm tiền chi phí làm Visa: 880.000 đồng; vé máy bay: 16.400.000 đồng; tiền ăn 08 ngày: 2.052.176 đồng (từ ngày 24/1/2024 đến ngày 31/1/2024 x 02 bữa x 128.261 đồng);chi phí xe buýt đưa đón: 1.221.536 đồng (xe đưa đón 08 ngày x 152.692 đồng / ngày); chi phí chỗ ở ký túc xá: 8.208.256 đồng (08 ngày x 1.026.032 đồng); bảo hiểm tai nạn: 1.000.000 đồng / người. Tổng là **29.761.968** đồng (Hai mươi chín triệu bảy trăm sáu mốt nghìn chín trăm sáu tám đồng).

-Tiền phạt do vi phạm hợp đồng với số tiền bằng hai lần chi phí đào tạo là **59.523.936** đồng (Năm mươi chín triệu năm trăm hai mươi ba nghìn chín trăm ba sáu đồng).

Tổng số tiền anh Đồng Văn T phải trả là **89.285.900đ** (làm tròn) (Tám mươi chín triệu hai trăm tám mươi lăm nghìn chín trăm đồng).

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật và bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án chưa trả số tiền trên thì hàng tháng còn phải chịu tiền lãi đối với số tiền chậm thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự.

2.Về án phí: Bị đơn anh Đồng Văn T phải chịu 2.679.000 (*Hai triệu sáu trăm bảy mươi chín nghìn*) đồng, án phí lao động sơ thẩm.

Trả lại nguyên đơn Công ty TNHH L1 tiền tạm ứng án phí 1.795.000 (*Một triệu bảy trăm chín mươi năm nghìn*) đồng đã nộp, theo B lại thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0000729, ngày 11/10/2024 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng.

3.Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 01 (*một*) tháng, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc từ ngày Bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hánh án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyên thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
-VKSND tỉnh Hải Dương;
-Cục THADS tp. Hải Phòng;
-Các đương sự; Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự;
-Lưu: HS, VP, Lưu Tòa DS

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà

(ĐÃ KÝ)

Nguyễn Minh Tân